TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 876/2026/DS-PT
Ngày: 06/5/2026
V/v: Tranh chấp đòi tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền
Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thảo
Bà Đỗ Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 637/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 04 năm 2026 về việc: "Tranh chấp đòi tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2026/DS-ST ngày 08/01/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2480/2026/QĐ-PT ngày 14/4/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Phương B, sinh năm 1968. *(có mặt)*
CCCD: 024168xxxxxx cấp ngày 10/7/2021.
Địa chỉ: số x đường Đ, phường S, quận TP (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:*
2.1 Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1952.
CCCD: 079152xxxxxx cấp ngày 15/08/2022.
2.2 Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1983.
CCCD: 079083xxxxxx cấp ngày 12/01/2022.
Cùng địa chỉ: số y đường Đ, phường S, quận TP (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.
(bà H và ông D có mặt tại phiên tòa)

3. *Người kháng cáo:* nguyên đơn - bà Hồ Thị Phương B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – bà Hồ Thị Phương B trình bày:

Bà B có quen biết và là hàng xóm với ông Nguyễn Văn C (chồng của bà Nguyễn Kim H và là cha ruột của anh Nguyễn Thanh D). Vì gia đình ông C khó khăn nên thường xuyên vay tiền bà B. Mỗi lần cho ông C vay, bà B đều ghi giấy và có chữ ký của ông C. Tính đến ngày 16/3/2018, ông Nguyễn Văn C nợ bà tổng số tiền là 35.000.000 đồng (có giấy vay tiền viết tay đính kèm).

Sau đó ông C mất, bà B đã nhiều lần liên hệ với vợ và con của ông C để lấy lại khoản tiền trên, nhưng vợ và con ông C cố tình tránh né, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy ngày 17/5/2023, bà B đã làm thông báo đòi nợ gửi cho hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn C là anh Nguyễn Thanh D (con ông C) và bà Nguyễn Kim H (vợ ông C) để yêu cầu thanh toán lại cho bà B khoản vay mà ông Nguyễn Văn C đã vay là 35.000.000 đồng; Sau đó bà B tiếp tục gửi thông báo nhắc lại nội dung yêu cầu nhưng đến nay bà H và anh D cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 17/01/2025 bà B nộp Đơn khởi kiện (BL.18) yêu cầu bà Nguyễn Kim H và anh Nguyễn Thanh D (là người thừa kế của ông Nguyễn Văn C) phải trả cho bà B số tiền 35.000.000 đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn - bà Nguyễn Kim H trình bày như sau:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn C, chồng bà có mượn tiền của bà B hay không thì bà không biết. Bà và con trai không có khả năng trả tiền theo yêu cầu của bà B. Chồng bà – ông C chết năm 2019, hiện lại bà đang sống cùng con trai là Nguyễn Thanh D.

Bị đơn - anh Nguyễn Thanh D trình bày như sau:

Anh là con của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Kim H. Việc ba của anh có mượn tiền của bà B hay không thì anh không biết. Hiện tại gia đình anh cũng khó khăn và không đủ khả năng để trả số tiền trên, đề nghị Toà án xử theo quy định pháp luật. Bà nội của anh là bà Huỳnh Thị N đã mất năm 1989. Lúc ba của anh mất không để lại di chúc. Căn nhà số y đường Đ, phường S, quận TP (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh hiện tại anh và mẹ đang sinh sống. Nhà đất này do ba và mẹ anh đứng tên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2026/DS-ST ngày 08/01/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Hồ Thị Phương B) về việc buộc bị đơn là bà Nguyễn Kim H và anh Nguyễn Thanh D (là người thừa kế của ông Nguyễn Văn C) phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng. Do không chấp nhận yêu cầu trả tiền

nên yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cũng không được chấp nhận.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 21/01/2026, nguyên đơn – bà Hồ Thị Phương B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày: Là chỗ hàng xóm, thấy ông C bệnh ung thư nên khi ông C hỏi mượn tiền để mua thêm thuốc, tiền mua quà cho cháu nội hay những khoản tiền cần chi tiêu khác, bà B thương tình nên giúp đỡ cho ông C mượn. Mỗi lần mượn ông C đều ký giấy thống kê số tiền đã mượn. Ông C có hứa bán được đất sẽ trả. Rồi ông C mất, bà B có nói và yêu cầu bà H trả nhưng bà H không đồng ý. Nay bà B yêu cầu người thừa kế của ông C hưởng tài sản của ông C trả lại tiền ông C vay, nếu bà H muốn trả thì có thể thương lượng với bà B vì thực tế bà H có điều kiện chứ không phải khó khăn.

Bị đơn bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Thanh D cùng trình bày:

Bà H và ông D là vợ, con và là người hưởng thừa kế di sản của ông C. Ông C chết để lại tài sản là nhà đất tại số y đường Đ cùng sở hữu với bà H. Bà H và ông C có hai con trai là Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thanh T (sinh năm 1978) đã chết năm 2006. Mẹ của ông C có hai tên gọi là Huỳnh Thị D1 hay Huỳnh Thị N, đã chết năm 1989. Ba ông C tên Nguyễn Văn L đã chết trước ông C từ lâu, bà H không nhớ năm chết. Hiện tại chỉ có bà H và con trai Nguyễn Thanh D là người thừa kế của ông C và đang cư ngụ tại Nhà số y.

Về yêu cầu của bà B, bà H và ông D không đồng ý vì bà H không có vay tiền bà B và không biết ông C có vay tiền bà B hay không.

Bà H và ông D thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Văn C trên Giấy nợ do bà B xuất trình là chữ ký và chữ viết của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có chứng cứ thể hiện ông C có nhận tiền vay của bà B, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo và tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của bà B được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc những người thừa kế của ông C phải thanh toán số tiền 35.000.000 đồng mà ông C đã vay/mượn bà B theo Giấy vay nợ (BL.15).

Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông D xác nhận các chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Văn C trên Giấy vay nợ (BL.15) do bà B xuất trình là của ông C. Do vậy, Giấy vay nợ này là tài liệu được bên bị đơn thừa nhận nên được xem là chứng cứ không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Giấy vay nợ (BL.15) do bà B xuất trình, có các thông tin sau:

Ngày 24/12/2015 bà B cho ông C vay số tiền là 7.000.000 đồng, người vay ký tên Nguyễn Văn C.

Ngày 22/02/2016 ông C có mượn thêm 3.000.000 đồng, tổng cộng 10.000.000 đồng, ký và ghi tên Nguyễn Văn C.

Ngày 23/4/2016 ông C mượn thêm 3.000.000 đồng, tổng cộng 13.000.000 đồng.

Ngày 10/5 ông C có mượn 2.000.000 đồng, tổng cộng 15.000.000 đồng.

Ngày 26/5/2016 ông C có mượn 5.000.000 đồng, tổng cộng 20.000.000 đồng, ký và ghi họ tên Nguyễn Văn C (đã bị gạch bỏ)

Ngày 19/7/17 ông C có mượn thêm 2.000.000 đồng.

Ngày 18/8/17 ông C mượn thêm 3.000.000 đồng, tổng cộng 25.000.000 đồng người mượn ký không ghi tên.

Ngày 15/9/17 ông C mượn 5.000.000 đồng, tổng cộng là 30.000.000 đồng, người mượn tiền ký và ghi họ tên Nguyễn Văn C.

Ngày 27/9/17 ông C mượn thêm 2.000.000 đồng, tổng cộng là 32.000.000 đồng, ký và ghi họ tên Nguyễn Văn C.

Giấy ngày 16/3/2018 (BL.14) ghi rõ: ông S có mượn cô B 3.000.000 đồng – ông S tên là Nguyễn Văn C – là 35.000.000 đồng – người vay tiền đứng có chữ ký không ghi tên.

Giấy vay nợ trên có ghi rõ số tiền vay mượn của từng lần vay, nội dung những đoạn trên rất liền lạc nhau và hợp logic, một số đoạn đã gạch xóa nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét. Ông C đã ký xác nhận ở từng lần vay mượn, bản thân bà H và ông D đã xác nhận chữ ký và chữ viết họ tên là của ông Nguyễn Văn C. Như vậy, trình bày của nguyên đơn về việc ông C mượn nợ là có cơ sở. Nguyên đơn yêu cầu đòi tiền gốc đã cho vay trong giao dịch dân sự cho vay/mượn tiền giữa bà B và ông C là phù hợp khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét về việc những người thừa kế của ông C có chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả lại khoản tiền nợ của ông C hay không, xét thấy:

Theo Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú năm 1982 (BL.59) và Sổ Hộ khẩu gia đình (BL.58) do Công an cung cấp: ông Nguyễn Văn C là chủ hộ có vợ là Nguyễn Kim H và các con là Nguyễn Thanh T sinh năm 1978 và Nguyễn Thanh D sinh năm 1983.

Theo Bản khai nhân khẩu năm 1976 (BL.60-61) ông Nguyễn Văn C sinh năm 1949 có cha ruột là Nguyễn Văn L 58 tuổi, mẹ Huỳnh Thị D1 56 tuổi.

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 19/11/2025 (BL.68) ông Nguyễn Thanh D cho biết bà nội ông D là bà Huỳnh Thị N đã chết năm 1989, lúc ba ông D (ông C) chết không để lại di chúc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và ông D xác nhận mẹ ông C có hai tên gọi là Huỳnh Thị D1 và Huỳnh Thị N, còn ông Nguyễn Thanh T đã chết năm 2006 không người thừa kế.

Vậy, đủ cơ sở xác định những người thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn C là bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Thanh D.

Theo Công văn số 1206/CNTP-ĐK&CGCN ngày 27/3/2025 (BL.54) VPĐKĐĐ TP.HCM Chi nhánh quận TP trả lời xác minh cho biết: Nhà đất số y đường Đ, phường S, quận TP do ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Kim H đứng tên chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận số 3544/2009/UB.GCN ngày 16/7/2009 do UBND quận TP cấp.

Vậy ông C có để lại di sản thừa kế là ½ nhà và đất tại số y đường Đ, trong đó bà H và ông Nguyễn Thanh D đang cư ngụ tại địa chỉ trên là người hưởng thừa kế của ông C và đang quản lý phần di sản của ông C nên có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông C để lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

"1. *Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

2. Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại."

Kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM là không phù hợp.

Từ những nhận định trên, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm cũng được tính lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như sau:

Bà H và ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng, riêng bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và Điều 2 Luật Người cao tuổi 2008; ông D phải nộp án phí là 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí dân sự phúc thẩm, người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - bà Hồ Thị Phương B, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2026/DS-ST ngày 08/01/2026 của Toà án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ liên đới thực hiện việc trả khoản nợ của ông Nguyễn Văn C (chết năm 2019) để lại theo Giấy vay nợ từ ngày 24/12/2015 đến ngày 16/3/2018 là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) cho bà Hồ Thị Phương B. Thực hiện trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

Bà Nguyễn Kim H được miễn nộp án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và có trách nhiệm nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0045848 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Hồ Thị Phương B.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị Phương B không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho bà B theo Biên lai thu số 0007599 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Khu vực 9 - TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 9 - TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu/22.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hiền